



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
· Bảng cân đối kế toán	5 - 6
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
· Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.0000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 062 3816 118
- Fax: (84) 062 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 44 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| · Ông Nguyễn Văn So | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| · Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| · Ông Trần Ngọc Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| · Ông Nguyễn Minh Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015 |
| · Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| · Ông Bùi Đình Thiện | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| · Ông Lê Trung Nhân | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| · Ông Trần Hữu Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| · Ông Nguyễn Văn So | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| · Ông Nguyễn Minh Hà | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| · Ông Nguyễn Đức Thành | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| · Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 08 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 217/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11/02/2017, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.967.446.091	15.910.327.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.038.454.287	8.197.397.999
1. Tiền	111		2.038.454.287	2.197.397.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.420.458.677	4.407.026.837
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.566.645.516	3.585.918.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		563.988	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7a	475.330.142	569.917.890
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	377.919.031	251.190.054
IV. Hàng tồn kho	140	9	3.508.533.127	3.293.264.063
1. Hàng tồn kho	141		3.528.308.712	3.335.902.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.775.585)	(42.638.705)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	12.639.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	12.639.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.872.471.668	2.179.066.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.754.231	151.203.052
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7b	18.754.231	151.203.052
II. Tài sản cố định	220		1.125.797.437	1.299.943.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.125.797.437	1.299.943.420
- Nguyên giá	222		3.611.589.736	3.611.589.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.485.792.299)	(2.311.646.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		727.920.000	727.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	727.920.000	727.920.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.839.917.759	18.089.394.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.411.186.743	4.684.955.035
I. Nợ ngắn hạn	310		4.411.186.743	4.684.955.035
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.938.084.414	3.075.928.183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.750.542	55.173.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	366.490.201	232.656.393
4. Phải trả người lao động	314		325.098.705	354.816.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	40.000.000	44.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5.693.908	3.192.804
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	358.836.820	551.486.425
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		344.232.153	367.701.244
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.428.731.016	13.404.439.336
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	13.428.731.016	13.404.439.336
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.596.016.760	1.576.016.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	720.304.245	716.012.565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.012.565	92.835.390
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		664.291.680	623.177.175
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.839.917.759	18.089.394.371

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Khoa Tuyển

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	50.830.175.157	48.873.066.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	586.450.531	692.213.813
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		50.243.724.626	48.180.852.451
4. Giá vốn hàng bán	11	22	42.189.850.102	39.639.392.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.053.874.524	8.541.460.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	421.277.035	515.114.853
7. Chi phí tài chính	22	24	793.183.063	823.579.894
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	60.657.144	69.206.689
8. Chi phí bán hàng	25	25a	4.191.466.398	4.555.067.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25b	1.596.166.788	1.508.249.830
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.894.335.310	2.169.677.487
11. Thu nhập khác	31	26	7.791.419	11.624.220
12. Chi phí khác	32		839.369	66.731.032
13. Lợi nhuận khác	40		6.952.050	(55.106.812)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.901.287.360	2.114.570.675
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	386.995.680	501.393.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.514.291.680	1.613.177.175
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.122	1.203
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.122	1.203

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		49.699.863.612	50.514.451.284
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(45.463.231.599)	(43.796.831.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.110.703.066)	(3.412.125.318)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	24	(60.657.144)	(69.206.689)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(365.023.334)	(558.743.628)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.060.858.969	705.725.441
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.015.172.366)	(2.633.621.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		745.935.072	749.647.692
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128.000.000)	(1.255.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		355.036.569	5.477.758.944
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(427.920.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 23	270.734.252	333.199.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		497.770.821	4.128.038.054
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	5.387.627.730	4.743.947.350
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(5.580.277.335)	(4.861.974.380)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18f	(1.210.000.000)	(1.650.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.402.649.605)	(1.768.027.030)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(158.943.712)	3.109.658.716
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.197.397.999	5.087.739.283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	8.038.454.287	8.197.397.999

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyền

Nguyễn Khoa Tuyền

Bình Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Vốn điều lệ: 11.0000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh sách và thiết bị trường học.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho tại Nhà sách được tính theo phương pháp giá bán lẻ. Tại các Kho Công ty, hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	271.247.000	290.718.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.767.207.287	1.906.679.999
Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	8.038.454.287	8.197.397.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Thuận	493.230.104	2.806.299
Các đối tượng khác	3.073.415.412	3.583.112.594
Cộng	3.566.645.516	3.585.918.893

7. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết (i)	100.000.000	100.000.000
Cán bộ công nhân viên (ii)	375.330.142	469.917.890
Cộng	475.330.142	569.917.890

(i) Cho Xí nghiệp Chế biến gỗ Phan Thiết vay theo hợp đồng vay vốn số 2016/HĐVV ngày 27/04/2016, tổng số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 12%/năm, thời hạn cho vay từ ngày 27/04/2016 đến ngày 31/12/2016.

(ii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất cho vay từ 8%-10%/năm.

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Cán bộ công nhân viên (iii)	18.754.231	151.203.052
Cộng	18.754.231	151.203.052

(iii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	44.050.000	-	36.299.966	-
Tạm ứng	43.418.584	-	59.208.387	-
Kí quỹ	280.450.447	-	127.057.857	-
Phải thu khác	10.000.000	-	28.623.844	-
Cộng	377.919.031	-	251.190.054	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	3.528.308.712	(19.775.585)	3.335.902.768	(42.638.705)
Cộng	3.528.308.712	(19.775.585)	3.335.902.768	(42.638.705)

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 19.775.585 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch bán thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	2.195.322.085	1.082.872.651	333.395.000	3.611.589.736
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.195.322.085	1.082.872.651	333.395.000	3.611.589.736
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.533.422.043	444.829.273	333.395.000	2.311.646.316
Khấu hao trong kỳ	50.231.763	123.914.220	-	174.145.983
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.583.653.806	568.743.493	333.395.000	2.485.792.299
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	661.900.042	638.043.378	-	1.299.943.420
Số cuối kỳ	611.668.279	514.129.158	-	1.125.797.437

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.356.460.774 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	83.000.000	83.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	83.000.000	83.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 83.000.000 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	224.038.293	563.806.489
Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Minh	275.804.968	315.324.845
Công ty TNHH Sách Thiết bị Giáo dục Đức Trí	311.914.590	375.601.315
Nhà sách Hồng Ân (Đình Sơn)	307.351.995	310.201.195
Các đối tượng khác	1.818.974.568	1.510.994.339
Cộng	2.938.084.414	3.075.928.183

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	92.775.885	159.601.023
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	224.038.293	563.806.489
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	54.082.440	135.466.565
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	191.464.350	128.670.659
Cộng		562.360.968	987.544.736

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Việt Phú	-	55.173.500
Trường Mẫu Giáo Tân Hải	6.593.000	-
Trường Tiểu Học Tân Thuận 3	5.147.400	-
Trường Tiểu Học Sông Lũy 3	5.039.600	-
Các đối tượng khác	15.970.542	-
Cộng	32.750.542	55.173.500

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	155.967.000	480.680.245	363.036.797	273.610.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.116.981	386.995.680	365.023.334	54.089.327
Thuế thu nhập cá nhân	44.572.412	112.512.297	118.294.283	38.790.426
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	61.028.400	61.028.400	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	232.656.393	1.046.216.622	912.382.814	366.490.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phí kiểm toán	40.000.000	44.000.000
Cộng	40.000.000	44.000.000

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội	5.693.908	2.190.804
Phải trả khác	-	1.002.000
Cộng	5.693.908	3.192.804

18. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	5.200.000.000	5.200.000.000	-
Cán bộ CNV trong công ty	551.486.425	187.627.730	380.277.335	358.836.820
Cộng	551.486.425	5.387.627.730	5.580.277.335	358.836.820

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	11.000.000.000	112.410.011	1.536.016.760	1.082.835.390	13.731.262.161
Tăng trong kỳ	-	-	40.000.000	1.613.177.175	1.653.177.175
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.980.000.000	1.980.000.000
Số dư tại 31/12/2015	11.000.000.000	112.410.011	1.576.016.760	716.012.565	13.404.439.336
Số dư tại 01/01/2016	11.000.000.000	112.410.011	1.576.016.760	716.012.565	13.404.439.336
Tăng trong kỳ	-	-	20.000.000	1.514.291.680	1.534.291.680
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.510.000.000	1.510.000.000
Số dư tại 31/12/2016	11.000.000.000	112.410.011	1.596.016.760	720.304.245	13.428.731.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.210.000.000	1.650.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	716.012.565	1.082.835.390
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.514.291.680	1.613.177.175
Phân phối lợi nhuận	1.510.000.000	1.980.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	660.000.000	990.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	660.000.000	990.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	850.000.000	990.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	20.000.000	40.000.000
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	280.000.000	290.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	550.000.000	660.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	720.304.245	716.012.565

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/NQ-DHCD ngày 09/04/2016.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 12 ngày 11/02/2017 của Hội đồng quản trị.

f. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 09/04/2016 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2015 là 12% vốn điều lệ, tương ứng 1.320.000.000 đồng. Theo đó, sau khi trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2015 là 660.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức còn lại là 660.000.000 đồng trong 6 tháng đầu năm 2016.

Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền với tỉ lệ 5%/vốn điều lệ, tương ứng 550.000.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 211/NQ-HĐQT ngày 20/09/2016.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Gia An 3	5.032.200	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Đặng Trương Hoàng Nhụy	6.672.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Cộng	156.141.453	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán sách giáo khoa	27.308.998.984	25.258.846.157
Doanh thu bán sách tham khảo	1.675.195.400	2.092.042.583
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	12.785.379.723	12.584.599.952
Doanh thu bán hàng hóa khác	9.060.601.050	8.937.577.572
Cộng	50.830.175.157	48.873.066.264

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	586.450.531	692.213.813
Cộng	586.450.531	692.213.813

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	23.781.820.385	21.836.685.151
Giá vốn sách tham khảo	1.139.230.191	1.427.200.592
Giá vốn thiết bị giáo dục	10.043.049.199	9.249.563.223
Giá vốn hàng hóa khác	7.205.974.742	7.083.304.659
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19.775.585	42.638.705
Cộng	42.189.850.102	39.639.392.330

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.484.286	330.615.910
Chiết khấu thanh toán	142.792.749	166.498.943
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.000.000	18.000.000
Cộng	421.277.035	515.114.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	60.657.144	69.206.689
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	732.525.919	754.373.205
Cộng	793.183.063	823.579.894

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	2.620.383.794	2.712.284.576
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.887.611	93.516.649
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới...	309.578.767	383.262.218
Các khoản khác	1.174.616.226	1.366.004.320
Cộng	4.191.466.398	4.555.067.763

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	846.370.115	713.804.202
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	107.570.819	212.208.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.258.372	87.258.372
Các khoản khác	554.967.482	494.979.256
Cộng	1.596.166.788	1.508.249.830

27. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chênh lệch thừa tiền bán hàng	1.868.180	6.018.108
Thu nhập khác	5.923.239	5.606.112
Cộng	7.791.419	11.624.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.901.287.360	2.114.570.675
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	33.691.035	105.568.277
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	57.691.035	123.568.277
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	24.000.000	18.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.934.978.395	2.220.138.952
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	386.995.680	501.393.500
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	386.995.680	488.430.569
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	12.962.931

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.514.291.680	1.613.177.175
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(280.000.000)	(290.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	280.000.000	290.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.234.291.680	1.323.177.175
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.122	1.203

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	3.466.753.909	3.426.088.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.145.983	180.775.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.583.708	1.860.983.576
Chi phí khác bằng tiền	417.149.586	595.470.218
Cộng	5.787.633.186	6.063.317.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty thường vay ngân hàng khi cần bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay ngắn hạn với lãi suất xác định tại thời điểm nhận nợ. Ngoài ra, toàn bộ số dư nợ vay còn lại của Công ty đều là vay cán bộ công nhân viên với mức lãi suất thoả thuận và ổn định; Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.938.084.414	-	2.938.084.414
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	358.836.820	-	358.836.820
Cộng	3.336.921.234	-	3.336.921.234

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.075.928.183	-	3.075.928.183
Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	551.486.425	-	551.486.425
Cộng	3.671.414.608	-	3.671.414.608

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.038.454.287	-	8.038.454.287
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	3.566.645.516	-	3.566.645.516
Phải thu về cho vay	475.330.142	18.754.231	494.084.373
Phải thu khác	334.500.447	-	334.500.447
Cộng	12.414.930.392	746.674.231	13.161.604.623

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.197.397.999	-	8.197.397.999
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	3.585.918.893	-	3.585.918.893
Phải thu về cho vay	569.917.890	151.203.052	721.120.942
Phải thu khác	191.981.667	-	191.981.667
Cộng	12.545.216.449	879.123.052	13.424.339.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức đợt 2 năm 2016 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ vào ngày 10/02/2017.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2016	Năm 2015
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	12.475.805.365	12.839.123.205
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	415.779.201	551.790.533
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	2.002.860.705	2.227.103.382
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	11.255.615.140	8.839.272.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập của Ban Giám đốc	295.770.024	360.345.438
Thù lao Hội đồng quản trị	108.800.000	92.031.500

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Khoa Tuyên

Bình Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	31/12/2016				01/01/2016	
		Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	300.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết	Đang hoạt động	1,55%	-	427.920.000	-	427.920.000	-
Cộng				727.920.000	-	727.920.000	-

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Ngoài ra, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và không trích lập dự phòng.